

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thái Sơn
Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Diễm Ý – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, theo Quyết định mở phiên họp số: 488/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị N; sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Anh Nguyễn Văn C; sinh năm: 1976; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn F, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú tại: 26 VINE ST BRAYBROOK VIC 3019, AUSTRALIA; Hộ chiếu số Q00561005 do Đ tại Australia cấp ngày 14/10/2024; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con” lập ngày 02 tháng 10 tháng 2024 chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng đến cuối năm 2017 do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng quyết định để anh C sang Australia (Úc) làm ăn còn chị N ở nhà nuôi dạy con cái và chăm lo gia đình. Trong

thời gian vợ chồng sống xa nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng xa cách địa lý dẫn đến tình cảm phai nhạt, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau về cả tình cảm và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, tình trạng đó diễn ra nhiều năm nay nên không còn khả năng khắc phục. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **N** và anh **C** thống nhất thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu: **Nguyễn Tấn S**, sinh ngày 22/8/2016 và cháu **Nguyễn Nhật L**, sinh ngày 02/7/2018. Hiện hai cháu đang chung sống với chị **N**, sau khi ly hôn chị **N** và anh **C** đã thỏa thuận giao hai cháu cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh **C** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và đề nghị: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị **N** và anh **C**.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Văn C** và chị **Nguyễn Thị N**; Công nhận sự thỏa thuận của anh **C** và chị **N**, giao hai con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **C** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét; về lệ phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị **Nguyễn Thị N**, hiện cư trú tại xã **X**, huyện **B**, tỉnh **Quảng Bình** và anh **Nguyễn Văn C**, hiện cư trú tại Australia có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có xác nhận của **Đ** tại Australia. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết yêu cầu trên là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **Nguyễn Văn C** ở nước ngoài theo quy định tại các Điều 474, 475 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 22/11/2024, chị **Nguyễn Thị N** đã tiến hành viết bản tự khai tại Tòa án. Tòa án nhận được Bản tự khai đề ngày 10/10/2024 của anh **Nguyễn Văn C** có xác nhận của **Đ** tại Australia gửi về. Các bản tự khai của chị **N** và anh **C** có nội dung thống nhất như Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con lập ngày

02/10/2024. Vì điều kiện công việc và khoảng cách địa lý xa xôi nên anh **C** không thể có mặt để tham gia phiên họp nên anh đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

[2]. Về nội dung xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con của chị **N** và anh **C**.

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Văn C** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã **X**, huyện **B**, tỉnh **Quảng Bình** vào ngày 16/02/2017 theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình cho chị **N** và anh **C** nhưng không đạt được kết quả. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt, cả hai không còn quan tâm đến việc hàn gắn hôn nhân và cùng tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị **N** và anh **C** có hai con chung là cháu: **Nguyễn Tấn S**, sinh ngày 22/8/2016 và cháu **Nguyễn Nhật L**, sinh ngày 02/7/2018. Hiện hai cháu đang chung sống với chị **N**, sau khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận giao hai cháu cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh **C** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 20.000.000 đồng (mỗi đứa 10.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu **Nguyễn Tấn S** và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Văn C** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Văn C** phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận sự thoả thuận của chị **Nguyễn Thị N** chịu toàn bộ Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm; Anh **C** phải nộp 300.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, 149, 361, 369, 370, 371, 474, 475 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Văn C**.

[2]. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Văn C** về việc giao hai con chung là cháu **Nguyễn Tấn S**, sinh ngày 22/8/2016 và cháu **Nguyễn Nhật L**, sinh ngày 02/7/2018 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh **C** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 20.000.000 đồng (mỗi đứa 10.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 01/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

[4]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Nguyễn Thị N** chịu nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005154 ngày 12/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; Anh **C** phải nộp 300.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định (20/01/2025) và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

đã ký

Nguyễn Thái Sơn